TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **764**/2023/HC-PT
Ngày: 24/10/2023
V/v: Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 456/2023/TLPT-HC ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2022/HC-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Y.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11100/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2023 giữa:

**** Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Tuấn H, địa chỉ: xóm X, xã X1, huyện X2, tỉnh Y (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm O, xã O1, huyện O2, tỉnh Y (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức N, luật sư Công ty Luật TNHH O3 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện X2, tỉnh Y; Địa chỉ: Tổ dân phố Y1, thị trấn Y2, huyện X2, tỉnh Y.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Nam T1 - Quyền Chủ tịch UBND huyện X2 (Có mặt).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Nguyễn Thị Minh T2, sinh năm 1975; địa chỉ: xóm X, xã X1, huyện X2, tỉnh Y (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày:

Ngày 14/4/2022, Ủy ban nhân dân huyện X2 ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1538/QĐ-XPVPHC để xử phạt hành chính đối với ông H về hành vi vi phạm hành chính: Sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất rừng phòng hộ, không phải là đất rừng đặc dụng, không phải là đất rừng sản xuất vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai trong trường hợp: Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn. Cụ thể: Ông Nguyễn Tuấn H đã xây dựng công trình bao gồm dựng cột, quây bằng lưới kim loại dạng B40 trên đất trồng cây lâu năm khi không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Vị trí vi phạm: Thửa đất số 10, tờ bản đồ địa chính số 56 thuộc xóm X, xã X1, huyện X2, tỉnh Y.

Hình thức xử phạt: Phạt tiền 6.500.000 (Sáu triệu năm trăm nghìn) đồng.

Biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm;

+ Buộc ông Nguyễn Tuấn H phải nộp số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm với số tiền là 2.044.895 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng).

Ông H không đồng ý với Quyết định số 1538/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2 vì nguồn gốc thửa đất số 10, tờ bản đồ địa chính số 56 là của bà Vũ Thị N2 (Dì ruột ông H) và ông Nguyễn Quang L. Ông L bà N2 đã khai phá thửa đất này từ những năm 1975. Khoảng năm 1982 thì xây dựng nhà và công trình ở trên đất này. Đến năm 2000 thì gia đình bà N2 chuyển về quê ở Z4 sinh sống và bàn giao lại thửa đất số 10 và công trình trên đất cho ông H trông coi. Trong quá trình quản lý tài sản của bà N2, vào năm 2006 do mái lợp lá cọ nhà cũ bà N2 bị hư hỏng, ông H đã lợp lại bằng Broximăng để sử dụng làm chỗ để xe tải. Đến năm 2000, do nhà bà N2 dựng bằng cột gỗ bị mối mọt hư hỏng nặng sắp sụp đổ, ông H đã báo cáo và xin phép ông L, bà N2 để dỡ bỏ nhà cũ và dựng mái tôn trên diện tích đất thổ cư để nuôi gà, trồng hoa lan.

Mặc dù bà N2 chưa kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này nhưng từ trước khi bàn giao cho ông H quản lý, gia đình bà N2 đã sử dụng thửa đất này để xây dựng nhà ở. Căn cứ vào hiện trạng sử dụng

đất, khi đo đạc bản đồ địa chính năm 2008 đã thể hiện thửa đất số 10, tờ bản đồ địa chính số 56 có mục đích sử dụng là đất ở và trồng cây lâu năm. Như vậy, việc UBND huyện X2 cho rằng ông xây dựng công trình trên đất không phải là đất ở là không có căn cứ.

Yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1538/QĐ-XPVPHC ngày 14/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, tỉnh Y.

Tại Văn bản ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện X2 có ý kiến như sau:

Ông Nguyễn Tuấn H đang sử dụng thửa đất số 10, tờ bản đồ địa chính xã X1 số 56, thửa đất có nguồn gốc do bà Vũ Thị N2 *(là dì ruột của ông Nguyễn Tuấn H)* tự khai phá năm 1975 để trồng cây hàng năm, đến năm 1980 bà N2 sử dụng đất để làm nhà ở và trồng cây lâu năm. Năm 2000, do nhà bị hỏng bà N2 chuyển đi nơi khác sinh sống và giao cho ông Nguyễn Tuấn H trông coi, sử dụng. Tại thời điểm ông H trông coi thửa đất, ông H đã san gạt thửa đất để trồng cây lâu năm liên tục, ổn định từ đó đến ngày 26/02/2022 thì ông H tiến hành xây dựng công trình nhà mái tôn, cột khung bằng kim loại làm chỗ để xe ô tô với diện tích xây dựng là 444,5m^2 trên một phần đất.

Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 56 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông Nguyễn Tuấn H không có bất kỳ giấy tờ có liên quan nào trên thửa đất.

Về hồ sơ quản lý đất đai: Bản đồ địa chính xã X1 đo năm 2008 thể hiện là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 56, diện tích 783m^2 là loại đất ONT + CLN (Đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm); Các biên bản của UBND xã X1: Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 04/4/2022; Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc thời điểm sử dụng đất ngày 30/3/2022; Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 25/BB-VPHC của UBND xã X1 ngày 04/4/2022 và các biên bản sự việc đối với gia đình ông Nguyễn Tuấn H.

Ngày 04/4/2022, Tổ công tác của UBND xã X1 tiến hành kiểm tra hiện trạng công trình xây dựng tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 56 tại xóm X, xã X1, huyện X2, tỉnh Y kết quả kiểm tra hiện trạng:

Ông Nguyễn Tuấn H đã xây dựng công trình bao gồm: Dựng cột, khung xà bằng kim loại; tấm lợp bằng tôn kim loại và tôn nhựa, quây xung quanh bằng lưới kim loại dạng lưới B40 tổng diện tích xây dựng trên đất là 444,5m^2. Ông H sử dụng làm chỗ để xe ô tô, treo giò hoa lan và thả gà. Thời điểm xây dựng công trình từ ngày 26/02/2022.

Sau khi kiểm tra hiện trạng, cùng ngày UBND xã X1 lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Tuấn H với hành vi vi phạm: Sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất trồng rừng phòng hộ, không phải là đất rừng đặc dụng, không phải là đất rừng sản xuất vào mục đích khác

không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các điểm b và d khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai trong trường hợp: Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn, được quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Về hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai: Ngày 04/4/2022, Tổ công tác của UBND xã X1 đến thực địa tại thửa đất số 10, tờ bản đồ địa chính xã X1 số 56, thuộc xóm X, xã X1, huyện X2, tỉnh Y để lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi của ông H. Công chức địa chính xã X1 đã căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai, hiện trạng sử dụng đất tại thực địa, quá trình quản lý và sử dụng đất, đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại thực địa đối với ông Nguyễn Tuấn H theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020 với hành vi vi phạm: Sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất trồng rừng phòng hộ, không phải là đất rừng đặc dụng, không phải là đất rừng sản xuất vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các điểm b và d khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai trong trường hợp: Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn, được quy định tại khoản 2, Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

UBND xã X1 đã báo cáo UBND huyện X2 và chuyển hồ sơ vi phạm hành chính đến Chủ tịch UBND huyện X2 để xử phạt theo thẩm quyền.

UBND huyện X2 ban hành Quyết định số 1538/QĐ-XPVPHC ngày 14/4/2022 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Tuấn H đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc bản đồ.

Ngày 26/4/2022, ông Nguyễn Tuấn H có đơn khiếu nại Quyết định số 1538/QĐ-XPVPHC ngày 14/4/2022 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Tuấn H. Ngày 23/6/2022, Chủ tịch UBND huyện X2 đã ban hành Quyết định số 2827/QD-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tuấn H.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Minh T2 không có ý kiến gửi Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 08 tháng 5

năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Y đã quyết định:

Áp dụng các Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; điểm b và d khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013; Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 34 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2020; khoản 2, Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019; khoản 1 Điều 3, Điều 20, 21, khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; Điều 10 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ; Điều 17, 18, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2012; Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn H về việc hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1538/QĐ-XPVPHC ngày 14/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, tỉnh Y.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, người khởi kiện là ông Nguyễn Tuấn H có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Nguyễn Tuấn H vắng mặt; Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn H và cho rằng nguồn gốc thửa đất số 10, tờ bản đồ địa chính số 56 là của bà Vũ Thị N2 và ông Nguyễn Quang L khai phá từ những năm 1975, có nhà ở và công trình xây dựng trên đất.

Mặc dù bà N2, ông L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này nhưng Bản đồ địa chính cũng như sổ mục kê của UBND xã X1 đều ghi nhận là đất ở và trồng cây lâu năm. Năm 2000 bà N2, ông L chuyển về quê ở Z4 sinh sống và nhờ ông H trông coi, quản lý nhà và đất. Như vậy đây vẫn là đất ở và là tài sản hợp pháp của bà N2, ông L.

Do căn nhà của bà N2, ông L để lâu năm bị sụp nên ông H sửa sang lại để làm nhà để xe, bà N2, ông L không phản đối. Công trình ông H xây dựng đã lâu không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay có ý kiến gì.

Ngày 14/4/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, tỉnh Y ban hành Quyết định số 1538/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H xây dựng công trình trên đất không phải là đất ở là không có căn cứ. Bởi lẽ, trước khi xử phạt thì Ủy ban nhân dân huyện X2, tỉnh Y phải xác định diện tích đất ở của bà N2 là bao nhiêu và ở vị trí nào mới có căn cứ cho rằng ông H "xây

dựng công trình trên đất không phải là đất ở" để áp dụng điểm a hay điểm b Điều 57 Luật Xử phạt hành chính để có mức phạt phù hợp.

Với căn cứ xử phạt do sử dụng đất không đúng mục đích như trên thì Quyết định số 1538/QĐ-XPVPHC ngày 14/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2 đã xử phạt sai đối tượng vì chủ sử dụng đất là bà N2, ông L.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn H; sửa Bản án hành chính sơ thẩm, hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1538/QĐ-XPVPHC ngày 14/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, tỉnh Y.

Người bị kiện là Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, tỉnh Y ông Nguyễn Nam Tiến không đồng ý với kháng cáo của người khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Tuấn H là có căn cứ. Bởi lẽ, thửa đất số 10, tờ bản đồ địa chính xã X1 số 56, thửa đất có nguồn gốc do bà Vũ Thị N2 và ông Nguyễn Quang L tự khai phá năm 1975 để trồng cây hàng năm, đến năm 1980 bà N2 sử dụng đất để làm nhà ở và trồng cây lâu năm. Mặc dù của bà N2 và ông L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này nhưng Bản đồ địa chính cũng như sổ mục kê của UBND xã X1 đều thể hiện thửa đất đứng tên bà N2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, tỉnh Y chưa làm rõ việc ông Nguyễn Tuấn H xây dựng công trình làm chỗ để xe ô tô, làm giàn hoa lan với diện tích 444,5m^2 có được sự đồng ý của ông L, bà N2 hay không mà ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1538/QĐ-XPVPHC ngày 14/4/2022 đối với ông H với hành vi vi phạm: Sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất trồng rừng phòng hộ, không phải là đất rừng đặc dụng, không phải là đất rừng sản xuất vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các điểm b và d khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai trong trường hợp: Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn theo quy định tại khoản 2, Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.là chưa đảm bảo căn cứ vững chắc theo quy định của pháp luật.

Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa Bản án hành chính sơ thẩm; hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1538/QĐ-XPVPHC ngày 14/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, tỉnh Y để xác minh xử lý lại theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Tuấn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1538/QĐ-XPVPHC ngày 14/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, tỉnh Y. Đây là quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai nên Tòa án nhân dân tỉnh Y thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện theo Điều 30, Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tuấn H hợp lệ trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện:

Nguồn gốc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 56 tại xóm X, xã X1, huyện X2, tỉnh Y là do vợ chồng ông Nguyễn Quang L, bà Vũ Thị N2 *(là dì ruột của ông Nguyễn Tuấn H)* tự khai phá năm 1975 để trồng cây hàng năm. Đến năm 1980, ông L, bà N2 sử dụng đất để làm nhà ở và trồng cây lâu năm. Năm 2000, do nhà bị hỏng bà N2 chuyển đi nơi khác sinh sống và giao cho ông Nguyễn Tuấn H trông coi, sử dụng. Quá trình sử dụng đất, ông H đã san gạt thửa đất để trồng cây lâu năm và không có bất kỳ giấy tờ có liên quan nào đối với thửa đất. Bản đồ địa chính xã X1 đo năm 2008 thể hiện là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 56, diện tích 783m^2 là loại đất ONT + CLN (Đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm); chưa được cấp GCNQSDĐ.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1538/QĐ-XPVPHC ngày 14/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, tỉnh Y về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Tuấn H:

[4.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Ngày 04/4/2022, tổ công tác của UBND xã X1 tiến hành kiểm tra hiện trạng công trình xây dựng tại thửa đất số 10, TBĐ số 56 thuộc xóm X, xã X1, huyện X2 phát hiện ông Nguyễn Tuấn H đã có hành vi: Dựng cột, khung, xà bằng kim loại; lợp mái bằng tôn kim loại và tôn nhựa, quây xung quanh bằng lưới kim loại dạng B40, tổng diện tích xây dựng trên đất là 444,5m^2. Ông H sử dụng làm chỗ để xe ô tô, treo giò hoa Phong Lan và thả gà. Thời điểm xây dựng công trình từ ngày 26/02/2022.

Căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai tại địa phương thể hiện diện tích ông H xây dựng chưa được cấp GCNQSD đất và gia đình ông H không có bất kỳ giấy tờ có liên quan nào đối với thửa đất, cùng ngày 04/4/2022 công chức địa chính-xây dựng UBND xã X1 tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Tuấn H về hành vi vi phạm: Sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất rừng phòng hộ, không phải là đất rừng đặc dụng, không phải là đất rừng sản xuất vào mục đích khác không được cơ quan Nhà

nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai trong trường hợp: Chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn, được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Biên bản vi phạm hành chính được lập đúng quy định tại Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Đối chiếu với quy định của pháp luật, mức xử phạt vi phạm hành chính tại điểm b khoản 2 Nghị định 91/2019/NĐ-CP có mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Xét thấy không thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND cấp xã, UBND xã X1 đã chuyển Biên bản vi phạm hành chính kèm hồ sơ đến Chủ tịch UBND huyện X2 để xử phạt theo thẩm quyền.

Căn cứ vào hồ sơ đề nghị xử phạt vi phạm hành chính do UBND xã X1 chuyển đến, phòng Tài nguyên Môi trường huyện X2 đã thẩm định hồ sơ và có tờ trình số 380/TTr-TNMT ngày 06/4/2022 đề nghị Chủ tịch UBND huyện X2 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Tuấn H.

Ngày 14/4/2022, Chủ tịch UBND huyện X2 ban hành Quyết định số 1538/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Tuấn H số tiền 6.500.000 đồng.

Như vậy, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1538/QĐ-XPVPHC ngày 14/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X2, tỉnh Y được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 12 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021; điểm a khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính; đúng thẩm quyền quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 38 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Thẩm quyền ký quyết định: Tại Quyết định xử phạt VPHC số 1538/QĐ-UBND ngày 14/4/2022, phần người ký do Phó Chủ tịch UBND huyện X2 là ông Lê Thanh Sơn ký. Tuy nhiên trước đó Chủ tịch UBND huyện X2 đã có Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho Phó Chủ tịch UBND huyện là đúng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[4.2] Về nội dung Quyết định:

[4.2.1] Do thửa đất chưa được cấp GCNQSD đất, ông H cũng không xuất trình được giấy tờ hợp pháp về đất đai liên quan đến thửa đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 và quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

[4.2.2] Mặc dù thửa đất số 10, tờ bản đồ số 56 Bản đồ địa chính xã X1 đo năm 2008 là loại đất ONT + CLN nhưng không thể hiện diện tích đất ở của bà N2 là bao nhiêu và ở vị trí nào. Ngày 30/3/2022, UBND xã X1 tổ chức họp lấy ý kiến của người dân khu vực có đất. Kết quả Hội nghị thống nhất xác định: *"Thửa đất số 10, TBĐ số 56 xã X1 có nguồn gốc do bà Vũ Thị N2 tự khai phá năm 1975 để trồng cây hàng năm, đến năm 1980 bà N2 sử dụng đất để làm nhà ở và trồng cây lâu năm. Năm 2000, do nhà bị hỏng bà N2 chuyển đến sinh sống tại tỉnh Z4. Bà N2 để lại thửa đất cho cháu là ông Nguyễn Tuấn H trông coi, sử dụng. Ông H đã san gạt thửa đất để trồng cây lâu năm từ năm 2000 đến ngày 26/02/2022 thì dựng nhà mái tôn, cột khung bằng kim loại làm chỗ để xe ô tô".* Căn cứ kết quả Hội nghị, UBND xã X1 xác nhận mục đích sử dụng đối với thửa đất trên là đất trồng cây lâu năm (CLN) là đúng quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

[4.2.3] Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tuấn H xác nhận ngôi nhà bà N2 làm để ở, năm 2000 khi được bà N2 giao quản lý ông H đã sử dụng làm nhà để xe ô tô tải, năm 2013 do nhà cũ hỏng nên ông tháo dỡ không sử dụng ngôi nhà đó nữa, đến năm 2020 tiếp tục dựng công trình khung sắt để xe ô tô và trồng hoa phong lan. Như vậy đối với thửa đất trên, ông H không sử dụng liên tục vào mục đích để ở. Ý kiến của cộng đồng dân cư là khách quan. Việc UBND xã X1 xác định thửa đất số 10, tờ bản đồ số 56 xã X1 loại đất trồng cây lâu năm (CLN) là có căn cứ pháp luật.

[4.3] Xác định hành vi vi phạm: Việc ông Nguyễn Tuấn H tự ý xây dựng công trình trên đất trồng cây lâu năm *(tự ý sử dụng đất sang mục đích khác)* không được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Chủ tịch UBND huyện X2 ban hành Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Tuấn H là xử phạt đúng đối tượng có hành vi vi phạm quy định tại Điều 2 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Diện tích đất ông H xây dựng công trình là đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất rừng phòng hộ, không phải là đất rừng đặc dụng, không phải là đất rừng sản xuất. Ông H tự ý chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai với diện tích vi phạm 444,5m^2, thời gian vi phạm ngày 26/02/2022 nên Chủ tịch UBND huyện X2 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1538/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 xử phạt ông Nguyễn Tuấn H số tiền 6.500.000 đồng là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 91/2019/NĐ-

CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tuấn H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của ông H không có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Từ nhận định trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Tuấn H; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2023/HC-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Y.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Tuấn H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm ông H đã nộp tại Biên lai số 0000259 ngày 17/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Y.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

**** Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Y;
- VKSND tỉnh Y;
- Cục THADS tỉnh Y;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mai

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm **Bùi Xuân Trọng** **Lê Thị Mai**